

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29-7-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Nông Phú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1965. Địa chỉ: khóm T 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hoàng P, sinh năm 1962. Địa chỉ: khóm T 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 6 năm 2022, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Mỹ L, trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Hoàng P chung sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 thì bất hòa, không hợp tính nhau và không còn sống chung đã 17-18 năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông P. Về con chung: Có 2 con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Trương Hoàng P trình bày: Ông và bà L chung sống với nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Lúc đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất hòa, không hợp tính nhau và không còn sống chung từ năm 2012 đến nay. Ông chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất như bà L trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Nội dung vụ án đề nghị, về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Hoàng P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, bị đơn ông Trương Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông P theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà L, theo hai Xác nhận cùng ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân thị trấn T thì bà L và ông P chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”*. Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông P.

[4] Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Hoàng P.

2. Về con chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003920 ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Nông Phú**